


STT	Người ký	Đơn vị	Thời gian ký	Ý kiến	Kiểm tra chữ ký
1	DANG CONG HOAN	Phó Tổng Giám đốc - Ban Điều hành - Hội sở - Hội sở chính LPB	29/05/2026 11:07:50		29/05/2026 13:48:07 Chữ ký số hợp lệ 

Đơn vị: Ngân hàng Bán lẻ - Phòng Phát triển Sản phẩm & Giải pháp tài chính

Số: /2026/TB-LPBank.PDS

Ngày ban hành: /05/2026

## THÔNG BÁO

V/v: Chương trình lãi suất năm 2026 đối với Khách hàng Cá nhân vay vốn tại LPBank

Kính gửi:

- Khối/Trung tâm/Văn Phòng tại Trụ sở chính;
- Các Chi nhánh, Phòng Giao dịch.

Tổng Giám đốc thông báo về việc Triển khai chương trình lãi suất năm 2026 đối Khách hàng Cá nhân (KHCCN) vay vốn tại LPBank, cụ thể như sau:

**1. Phạm vi áp dụng:** Các Đơn vị Kinh doanh (ĐVKD) trên toàn hệ thống LPBank (bao gồm các PGD Bru điện).

**2. Điều kiện áp dụng:**

- Các khoản giải ngân mới VND trong thời gian hiệu lực của thông báo.
- Khách hàng tham gia tối thiểu 02 trong các sản phẩm/dịch vụ sau của LPBank: TKTT, App, Thẻ tín dụng; và

Khách hàng sử dụng tối thiểu một trong các **Combo Lộc phát** sau của LPBank trước giải ngân:

Lựa chọn	Cụ thể
PA 1	Khách hàng mua Tài khoản số đẹp và/hoặc các sản phẩm thu phí khác tối thiểu <b>0.5%</b> x “Số tiền giải ngân hoặc Giá trị hạn mức tín dụng”.
PA 2	Khách hàng đồng ý nộp và phong tỏa CASA tối thiểu <b>3%</b> x Số tiền giải ngân trên TKTT trong thời gian vay và tối đa 12 tháng.
PA 3	Khách hàng mua các sản phẩm thuộc nhóm Sản phẩm gắn kết Khách hàng với mức doanh số tối thiểu <b>0.8%</b> x “Số tiền giải ngân hoặc Giá trị hạn mức tín dụng”.

**3. Lãi suất cho vay, lãi suất điều chuyển vốn (ĐCV), phí trả nợ trước hạn (TNTH):** Chi tiết theo Phụ lục 01, Phụ lục 02 đính kèm.

**4. Chính sách lãi suất khi khoản vay áp dụng lãi suất tại Chương trình này chuyển nhóm nợ tại LPBank:**

ĐVKD thực hiện hướng dẫn tại TB số 9769/2023 ngày 12/07/2023 về việc Triển khai cơ chế dừng áp dụng lãi suất ưu đãi khi khách hàng vay vốn chuyển nhóm nợ cao hơn tại LPBank và các TCTD khác.

**5. Cơ chế chi trả chi phí kết nối:** Lãi suất cho vay theo thông báo này chưa bao gồm chi phí kết nối. Trường hợp có phát sinh, phí kết nối được quy đổi và cộng vào lãi suất cho vay theo quy định của LPBank từng thời kỳ (hiện là TB số 10088/2026/TB-LPBank.PDS ngày 12/05/2026 về việc cơ chế phí kết nối đối với sản phẩm cho vay và các văn bản thay thế/sửa đổi/bổ sung khác (nếu có).

## **6. Tổ chức thực hiện**

### **6.1. NHBL**

- Phòng PTSP&GPTC:
  - + Đầu mối phối hợp Khối CNTT cài đặt chính xác tham số hệ thống;
  - + Phối hợp cung cấp số liệu cho Phòng PTKD&TĐB hợp kênh để theo dõi tiến độ triển khai chương trình, cảnh báo/thông báo ĐVKD dừng triển khai khi cần thiết.
  - + Đầu mối đánh giá hiệu quả triển khai Chương trình.
- Phòng PTKD&TĐB hợp kênh:
  - + Phối hợp Phòng PTSP&GPTC theo dõi tiến độ triển khai chương trình, cảnh báo/thông báo ĐVKD dừng triển khai khi cần thiết.
  - + Đầu mối tiếp nhận thông tin từ Vùng/ĐVKD, phối hợp các Đơn vị liên quan xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai.

### **6.2. Đơn vị kinh doanh**

- Thực hiện cho vay theo đúng quy định tại Thông báo này.
- Thực hiện nhập liệu UDF khoản vay đầy đủ, chính xác, kịp thời (theo UDF nhận diện tại Phụ lục 01, Phụ lục 02 của Thông báo này).

**7. Điều khoản chuyển tiếp:** Đối với các Hợp đồng Tín dụng/Khế ước nhận nợ đã ký trước thời gian hiệu lực của thông báo này nhưng chưa giải ngân, ĐVKD áp dụng theo mức lãi suất tại Hợp đồng Tín dụng/Khế ước nhận nợ đã ký kết với Khách hàng.

## **8. Hiệu lực thông báo:**

Thông báo này có hiệu lực kể từ ngày **01/06/2026** đến hết ngày **31/01/2027** hoặc đến khi hết hạn mức và **thay thế** Thông báo số 10301/2026/TB-LPBank.PDS ban hành ngày 15/05/2026 v.v Triển khai chương trình lãi suất năm 2026 đối với Khách hàng Cá nhân vay vốn tại LPBank.

- Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn/vướng mắc, các ĐVKD báo cáo Tổng Giám đốc thông qua NHBL (bằng văn bản) để được xem xét, giải quyết.

KT. Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc



Đặng Công Hoàn

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT/BKS (để báo cáo);
- TGD (để báo cáo);
- Ban Điều hành (để biết);
- Lưu: VT, NHBL, TLTK, huyenttt14.

**Phụ lục 01: Lãi suất cho vay, lãi suất điều chuyển vốn (ĐCV), phí trả nợ trước hạn đối với khoản vay ngắn hạn**

**1. Lãi suất cho vay**

Mục đích vay	Quy mô	UDF nhận diện	LSCV cố định tối thiểu (%/năm)/tháng (T)				Phí TNTH	Lãi suất ĐCV
			T≤3	3<T≤6	6<T≤9	9<T≤12		
<b>SXKD</b>	<b>40,000 tỷ đồng</b>	258	Không áp dụng	<b>10,88</b>	<b>11,2</b>	<b>11,68</b>	Theo quy định của LPBank từng thời kỳ.	

**2. Nguyên tắc áp dụng lãi suất**

- ĐVKD điều chỉnh lãi suất dựa trên tiêu chí xếp hạng tín dụng của KH và phân loại TSBD, cụ thể như sau:

Xếp loại TSBD \ XHTD	B trở lên	CCC trở xuống
Phân loại B2/B2.1 trở lên	X	X + 1,0
Phân loại khác	X + 0,5	X + 1,5

Trong đó, X là Lãi suất cho vay tối thiểu theo mục đích và kỳ hạn cho vay tương đương tại mục 1 Phụ lục này.

- Trường hợp Khách hàng sử dụng đồng thời từ 02 Phương án tại **Combo Lộc Phát** trở lên theo quy định tại Mục 2 – Điều kiện áp dụng của Thông báo: Giám đốc chi nhánh/ Giám đốc KHCN được quyền xem xét giảm Lãi suất cho vay tối đa **0.3%/năm** so với mức lãi suất quy định tại Phụ lục này.

**Phụ lục 02: Lãi suất cho vay, lãi suất điều chuyển vốn (ĐCV), phí trả nợ trước hạn đối với khoản vay trung dài hạn**

1. Quy mô triển khai: 18,000 tỷ đồng
2. Lãi suất cho vay

STT	Mục đích vay	Phương thức tính lãi <sup>1</sup>	Lựa chọn	UDF nhận diện	LSCV tối thiểu (%/năm)/tháng (T)		Thời gian vay vốn tối thiểu	Phí TNTH (%)	Lãi suất ĐCV <sup>2</sup>
					Kỳ đầu cố định	Biên độ kỳ tiếp theo			
1	Mua nhà dự án	DNGD	LC1	254	06T: <b>10,5</b>	<b>3,8</b>	T ≥ 24	- Năm 1 - 3: 2,5 - Năm 4: 2,0 - Năm 5: 1,0 - Từ năm 6 trở đi: Miễn phí	Theo quy định LPBank từng thời kỳ trừ (-) <b>0,8%/năm</b>
			LC2	255	12T: <b>10,88</b>	<b>3,8</b>	T ≥ 60		
			LC3	256	24T: <b>11,68</b>	<b>3,8</b>	T ≥ 120		
			LC4	257	24T: <b>13,0</b>	<b>3,8</b>	T >24		
3	Mua nhà đất, mục đích tiêu dùng có TSBD, SXKD	DNGD	LC1	254	06T: <b>10,6</b>	<b>3,8</b>	T ≥ 24	- Năm 1 - 3: 2,5 - Năm 4: 2,0 - Năm 5: 1,0 - Từ năm 6 trở đi: Miễn phí	Theo quy định LPBank từng thời kỳ
				259	12T: <b>11,0</b>	<b>3,8</b>	T ≥ 36		
			LC2	260	24T: <b>11,88</b>	<b>3,8</b>	T ≥ 60		
			LC3	261	24T: <b>13,2</b>	<b>3,8</b>	T >24		
4	Tín dụng lưu trí và mục đích tiêu dùng không TSBD	DNGD	LC1	262	12T: <b>13,5</b>	<b>4,5</b>	T ≥ 24	Theo quy định LPBank từng thời kỳ.	Theo quy định LPBank từng thời kỳ
		ADDON	LC2	263	Cố định: <b>8,8</b>				

<sup>1</sup> DNGD: Dự nợ giảm dần. ADDON: Dự nợ gốc ban đầu.

<sup>2</sup> Việc phân bổ hạn mức lãi suất ĐCV có thể điều chỉnh đảm bảo hiệu quả sử dụng toàn gói, theo thông báo của NHBL từng thời kỳ.

### 3. Nguyên tắc áp dụng lãi suất

- ĐVKD điều chỉnh lãi suất kỳ đầu<sup>3</sup> dựa trên tiêu chí xếp hạng tín dụng của KH và phân loại TSBD, cụ thể như sau:

XHTD Xếp loại TSBD	B trở lên	CCC trở xuống
Phân loại B2/B2.1 trở lên	X	X + 1,0
Phân loại khác	X + 0,5	X + 1,5

Trong đó, X là Lãi suất cho vay kỳ đầu tối thiểu theo mục đích và kỳ hạn cho vay tương đương tại mục 2 Phụ lục này.

- Lưu ý:
  - Mục đích tiêu dùng không TSBD áp dụng nguyên tắc điều chỉnh lãi suất tương tự nhóm Phân loại TSBD từ B2 trở lên;
  - Sản phẩm Tín dụng hưu trí không áp dụng nguyên tắc cộng LSCV theo xếp hạng tín dụng.
- Trường hợp Khách hàng sử dụng đồng thời từ 02 Phương án tại **Combo Lộc Phát** trở lên theo quy định tại Mục 2 – Điều kiện áp dụng của Thông báo: Giám đốc Chi nhánh/ Giám đốc KHCN được quyền xem xét giảm Lãi suất cho vay kỳ đầu tối đa **0.3%/năm** so với mức lãi suất quy định tại Phụ lục này.

<sup>3</sup> Không điều chỉnh biên độ kỳ tiếp theo